

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 434/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 194/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

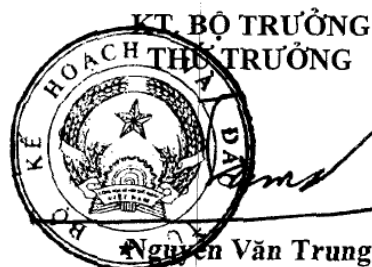
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./\*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC) (để b/c);
- Sở KHĐT, Ban Quản lý KKT, KCN, KCX, KCNC các tỉnh, TP. Trục thuộc Trung ương;
- Trung tâm tin học (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐTN.





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 434./QĐ-BKHĐT ngày 03. tháng 4. năm  
2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ  
ĐẦU TƯ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký Lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006	Đầu tư nước ngoài	UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao
2	Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006	Đầu tư nước ngoài	UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao
3	Đăng ký đổi GPĐT hoặc GPKD của Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp trước ngày 01/7/2006	Đầu tư nước ngoài	UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**I. Đăng ký lại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006**

### **1. Trình tự thực hiện:**

1.1. Doanh nghiệp đề nghị đăng ký lại nộp hồ sơ theo quy định của Nghị định 194/2013/NĐ-CP tại Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1.2. Trường hợp không phải hỏi ý kiến các Bộ, ngành thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1.3. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

1.4. Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

1.5. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư có trách nhiệm ghi lại vào Giấy chứng nhận đầu tư các nội dung quy định về quyền, nghĩa vụ, ưu đãi đầu tư và các cam kết hoặc điều kiện (nếu có) của Giấy phép đầu tư và các Giấy phép đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có).

1.6. Doanh nghiệp đăng ký lại phải nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư đã cấp (nếu có) cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

#### 3.1 Hồ sơ chung:

a) Bản đề nghị đăng ký lại, kèm theo danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần của doanh nghiệp sau khi đăng ký lại;

b) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có);

c) Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp liên doanh; Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc văn bản thống nhất của các nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp có nhiều nhà đầu tư nước ngoài) hoặc của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc đồng ý đăng ký lại doanh nghiệp và thông qua Điều lệ doanh nghiệp (sửa đổi);

đ) Quyết định của chủ hoặc các chủ doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc quyết định của Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài về việc đăng ký lại doanh nghiệp và thông qua Điều lệ doanh nghiệp (sửa đổi);

e) Giấy tờ chứng thực của các cá nhân và pháp nhân là thành viên doanh nghiệp sau khi đăng ký lại và của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sau khi đăng ký lại;

f) Báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm đăng ký lại;

g) Các tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung điều chỉnh.

3.2. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 đã hết thời hạn hoạt động sau ngày 01 tháng 7 năm 2006, nhưng chưa giải thể và có đề nghị được tiếp tục hoạt động, ngoài các hồ sơ quy định tại Mục 3.1, doanh nghiệp nộp thêm các hồ sơ sau:

a) Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, giao dịch thực hiện từ thời điểm hết hạn hoạt động đến thời điểm đăng ký lại và bản cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước.

b) Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của năm trước năm hết hạn Giấy phép đầu tư cho đến thời điểm đăng ký lại (Biểu số 04-CS/SXKD) theo quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng

đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

3.3. Trường hợp khi đăng ký lại, doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh và điều chỉnh nội dung dự án đầu tư thì ngoài hồ sơ quy định tại Mục 3.1 và Mục 3.2, cần bổ sung các tài liệu tương ứng với nội dung điều chỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp.

4. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ đăng ký lại được lập thành 03 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Trường hợp có nội dung thẩm tra thì hồ sơ được lập thành 10 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc

**5. Thời hạn giải quyết:**

5.1. Trường hợp không phải hội ý kiến các Bộ, ngành thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5.2. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

**6. Cơ quan thực hiện:**

- UBND cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao.

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đầu tư, văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư).

**9. Lệ phí:** Không có

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư (theo Mẫu I-13 quy định tại Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Nghị định 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

**\* Ghi chú:** Thủ tục này là thủ tục sửa đổi, bổ sung cho các thủ tục có mã số **B-BKH-111097-TT, B-BKH-111113-TT, B-BKH-111143-TT, B-BKH-111212-TT** đã đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính ([www.thutuchanhchinh.vn](http://www.thutuchanhchinh.vn)). Các nội dung sửa đổi bổ sung của TTHC so với các quy định cũ được in nghiêng và gạch chân.

## **II. Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trước ngày 01/7/2006**

### **1. Trình tự thực hiện:**

1.1. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp đồng thời với đăng ký lại, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1.2. Quyết định đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.

1.3. Trường hợp không phải hỏi ý kiến các Bộ, ngành thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1.4. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

1.5. Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư có trách nhiệm ghi lại vào Giấy chứng nhận đầu tư các nội dung quy định về quyền, nghĩa vụ, ưu đãi đầu tư và các cam kết hoặc điều kiện (nếu có) của Giấy phép đầu tư và các Giấy phép đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có).

1.7. Doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư đã cấp (nếu có) cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

## **2. Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

## **3. Thành phần hồ sơ:**

3.1. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp đồng thời với việc đăng ký lại thì hồ sơ bao gồm:

a) Bản đề nghị đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký kèm theo danh sách thành viên của công ty TNHH 2 thành viên trở lên hoặc công ty hợp danh hoặc Danh sách cổ đông sáng lập của doanh nghiệp sau chuyển đổi;

b) Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

c) Quyết định đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp của chủ hoặc các chủ doanh nghiệp hoặc của Hội đồng quản trị doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần.

Quyết định đăng ký lại và chuyển đổi doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu về: tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp chuyển đổi và của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của doanh nghiệp chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi;

d) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư và các Giấy phép đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư (nếu có).

đ) Báo cáo tài chính 2 năm liền kề tại thời điểm chuyển đổi;

e) Các tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến các nội dung điều chỉnh.

3.2. Hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp đồng thời với việc đăng ký lại theo quy định tại Khoản 3.1 mà có bổ sung thêm thành viên hoặc cổ đông mới thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ còn bao gồm:

a) Đối với thành viên mới là cá nhân, phải có bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định hiện hành;

b) Đối với thành viên mới là pháp nhân, phải có bản sao Quyết định thành lập pháp nhân, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của pháp nhân; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì phải có Quyết định ủy quyền (trong đó phải có cả nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền), Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Đối với thành viên mới là pháp nhân nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ hoặc giấy tờ tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định hiện hành trong thời gian không quá 3 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

3.3. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đã đăng ký lại thì hồ sơ thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **4. Số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ chuyển đổi Doanh nghiệp được lập thành 05 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Trường hợp có nội dung mà phải trình Thủ tướng Chính phủ hoặc phải xin ý kiến các Bộ, ngành thì hồ sơ được lập thành 10 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc.

#### **5. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp không phải hỏi ý kiến các Bộ, ngành thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

#### **6. Cơ quan thực hiện:**

UBND cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao.

#### **7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đầu tư, văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư).



**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (theo Mẫu I-15 quy định tại Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

*- Nghị định 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh;*

- Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

*\* Ghi chú: Thủ tục này là thủ tục sửa đổi, bổ sung cho các thủ tục có mã số B-BKH-111126-TT, B-BKH-111130-TT, B-BKH-111133-TT, B-BKH-111135-TT, B-BKH-111136-TT, B-BKH-111139-TT, B-BKH-111147-TT, B-BKH-111213-TT đã đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính ([www.thutuchanhchinh.vn](http://www.thutuchanhchinh.vn)). Các nội dung sửa đổi bổ sung của TTHC so với các quy định cũ được in nghiêng và gạch chân.*

**III. Đăng ký đổi Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh của Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp trước ngày 01/7/2006**

**1. Trình tự thực hiện:**

*1.1. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh nộp hồ sơ tại Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.*

*1.2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.*

*1.3. Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.*

*1.4. Trường hợp không chấp thuận hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.*

1.5. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư có trách nhiệm ghi lại vào Giấy chứng nhận đầu tư các nội dung quy định về quyền, nghĩa vụ, ưu đãi đầu tư và các cam kết hoặc điều kiện (nếu có) của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc và các giấy phép điều chỉnh (nếu có).

1.6. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh (nếu có) cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư khi nhận Giấy chứng nhận đầu tư.

## **2. Cách thức thực hiện:**

- Thông qua hệ thống bưu chính;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

## **3. Thành phần hồ sơ:**

3.1. Hồ sơ đăng ký đổi Giấy phép đầu tư gồm:

a) Bản đề nghị đổi Giấy phép đầu tư do các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh ký;

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh sửa đổi (nếu có nội dung sửa đổi);

c) Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh, và các Giấy phép đầu tư điều chỉnh hoặc Giấy phép kinh doanh điều chỉnh (nếu có).

3.2. Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh thì trong hồ sơ nêu trên còn bao gồm cả các tài liệu mà pháp luật quy định tương ứng với nội dung đề nghị điều chỉnh.

4. Số lượng hồ sơ: Hồ sơ đổi Giấy phép đầu tư được lập thành 03 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Trường hợp có nội dung phải trình Thủ tướng Chính phủ hoặc phải xin ý kiến các Bộ, ngành thì hồ sơ được lập thành 10 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ hồ sơ gốc

## **5. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư xem xét và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Trường hợp cần lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cơ quan được hỏi có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

**6. Cơ quan thực hiện:**

UBND cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao.

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản thông báo (trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư).

**9. Lệ phí:** Không có

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư (theo Mẫu I-14 quy định tại Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

- Nghị định 194/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 về việc đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đổi Giấy phép đầu tư của dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

**\* Ghi chú:** Thủ tục này là thủ tục sửa đổi, bổ sung cho các thủ tục có mã số B-BKH-111119-TT, B-BKH-111122-TT đã đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính ([www.thutuchanhchinh.vn](http://www.thutuchanhchinh.vn)). Các nội dung sửa đổi bổ sung của TTHC so với các quy định cũ được in nghiêng và gạch chân.